

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01** /2019/HS-ST
Ngày: 09/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Ly.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khắc Dũng và ông Nguyễn Thế Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương Trà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Thước - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXXST-HS, ngày 13 tháng 12 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/HSST – QĐ ngày 25/12/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Quang K, sinh năm 1972, tại huyện VB, tỉnh HP; Đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn 1, xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Quang Th và bà Đoàn Thị K1; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1974, có 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 78 ngày 26/10/2018 của CQĐT Công an huyện EaKar (có mặt).

Bị hại: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1945.

Nơi cư trú: Thôn 8, xã Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.(đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

Bà Dương Thị Phương L, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Thôn 8, xã Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người làm chứng:

Ông Dương Văn C, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Khố 12, thị trấn K, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 8h30' ngày 03/10/2018, Nguyễn Quang K điều khiển xe mô tô biển số 47F1 – 014.74 lưu thông trên quốc lộ 26 hướng Khánh Hòa đi Đắk Lắk với vận tốc khoảng 50 – 60km/h. Khi đi đến km 97 + 770m, quốc lộ 26 thì Nguyễn Quang K phát hiện thấy phía trước khoảng 40 – 50m, có bà Đặng Thị T đang đi bộ từ phía bên trái sang bên phải đường theo hướng K đang đi. Do không đảm bảo tốc độ và khoảng cách an toàn nên K đã để xe mô tô 47F1 – 014.74 va chạm với bà T. Hậu quả bà T chết trên đường chờ đi cấp cứu, xe mô tô hư hỏng.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định :

Nơi xảy ra tai nạn giao thông là đoạn đường trải nhựa bằng phẳng, mặt đường rộng 13,8m. Giữa mặt đường có 02 vạch sơn liên màu vàng chia mặt đường thành 2 chiều đường xe chạy bằng nhau, ở giữa phần đường có vạch sơn trắng đứt quãng, chia mỗi phần thành hai làn đường, làn đường giành cho xe cơ giới, làn đường giành cho xe thô sơ và người đi bộ. Hai bên đường không có cọc tiêu biển báo hiệu đường bộ.

Sau khi tai nạn xảy ra tại hiện trường để lại các dấu vết sau:

+ Nạn nhân Đặng Thị T sau tai nạn ngã ngửa nằm bên phần đường nhựa bên phải theo hướng Khánh Hòa đi Đắk Lắk. Tâm đầu nạn nhân đo vào mép đường chuẩn là 3m30.

+ Xe mô tô biển số 47F1 – 014.74 do Nguyễn Quang K điều khiển, sau tai nạn ngã sang phải nằm bên phần đường nhựa bên phải theo hướng Khánh Hòa đi Đắk Lắk. Trục trước xe mô tô đo vào mép đường nhựa chuẩn là 3m87 và đo đến tâm đầu nạn nhân Trang là 0m65. Trục sau xe mô tô đo vào mép đường chuẩn là 3m35.

+ Vùng sửa bịch bị đổ có kích thước 5m10 x 3m05, nằm bên phần đường nhựa bên phải theo hướng Khánh Hòa đi Đắk Lắk. Tâm vùng sửa bịch bị đổ đo vào mép đường chuẩn là 2m75 và đo đến đuôi vùng sửa bịch bị đổ là 2m26.

+ Vết xước dài 0,25m nằm trên phần đường nhựa bên phải theo hướng Khánh Hòa đi Đắk Lắk. Đầu vết xước đo vào mép đường chuẩn 2m85, và đo đến đầu vùng sửa bịch bị đổ là 2m62, đuôi vết xước đo vào mép đường chuẩn là 2m75 và đo đến đuôi vùng sửa bịch bị đổ là 2m26.

+ Vết chà lốp sau của xe mô tô 47F1 – 014.74 có kích thước 2m20 x 0m07 nằm bên phần đường nhựa phải có chiều hướng Khánh Hòa đi Đắk Lắk. Đầu vết chà lốp đo vào mép đường chuẩn 4m00 và đo đến đầu vùng sửa bịch bị đổ là 6m40. Đuôi vết chà lốp sau đo vào mép đường chuẩn là 3m23 và đo đến trục sau xe mô tô 47F1 – 014.74 là 0m35.

+ Vết chà lốp trước của xe mô tô 47F1 – 014.74 có kích thước 0m15 x 0m10 nằm ở vị trí lốp trước của xe mô tô. Đầu vết chà lốp trước đo vào mép đường chuẩn 3m40 và đo đến tâm trục trước xe mô tô là 0m30. Đuôi vết chà lốp trước đo vào mép đường chuẩn là 3m75.

+ Vết cày kích thước 0m04 x 0m02 do bàn gác chân trước bên phải của xe mô tô tạo nên. Đầu vết cày đo vào mép đường chuẩn 3m39. Đuôi vết cày nằm ngay vị trí đầu bàn gác chân trước bên phải xe mô tô và đo vào mép đường chuẩn là 3m40.

+ Vết máu kích thước 0m15 x 0m15 nằm ngay vị trí tâm đầu nạn nhân và đo vào mép đường chuẩn là 3m30.

Theo Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn đối với xe mô tô 47F1 – 014.74 ngày 03/10/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện EaKar thể hiện: Ốp đèn chiếu sáng phía trước bị gãy vỡ kích thước 11cm x 27cm; Mặt nạ phía trước bị vỡ kích thước 12cm x 20cm; Mặt ngoài yếm chắn gió phía trước bên phải để lại vết sạch bụi kích thước 30cm x 12cm; Yếm chắn gió bên trái bị bung ra khỏi vị trí ban đầu; Tại vị trí ban đầu bàn gác chân trước bên phải để lại vết mài mòn cao su kích thước 2cm x 3cm, lõi lõi kim loại và bị xây xước kích thước 2cm x 2cm; Tại vị trí mặt ngoài lớp trước để lại vết mài mòn cao su kích thước 20cm x 5cm, tâm vết mài mòn cách chữ “D” trong lòng chữ DIAMON là 23cm, cách chữ “O” trong dòng chữ DIAMON là 25cm; Tại vị trí mặt ngoài lớp sau để lại vết mài mòn cao su kích thước 22cm x 5cm, tâm vết mài mòn cao su cách chữ “D” trong dòng chữ DIAMON là 13cm, cách chữ “O” trong dòng chữ DIAMON là 15cm. Sau tai nạn, hệ thống lái, phanh, đèn, còi vẫn hoạt động bình thường.

Theo bản kết luận giám định pháp y tử số 339/PY – T.Th ngày 17/10/2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Nguyên nhân tử vong của bà Đặng Thị T là hôn mê sâu, suy hô hấp cấp, do vỡ sọ vùng chẩm, tụ máu hố sau do tai nạn giao thông

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô biển số 47F1 – 014.74; 01 Giấy phép lái xe số 660048803623 và số 0572267 mang tên Nguyễn Quang K; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe máy số XM 182809295; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 008477 cấp cho xe mô tô biển số 47F1 – 014.74.

Tại bản Cáo trạng số 01/VKS-HS ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Nguyễn Quang K về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quang K thừa nhận: Vào khoảng 8h30 ngày 03/10/2018, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 47F1 – 014.74 đi trên Quốc lộ 26 hướng Khánh Hòa đi Đắk Lắk với vận tốc 50 – 60km/h. Khi đi đến địa phận Thôn 1, xã Đ, huyện E thì bị cáo phát hiện phía trước có bà Đặng Thị T đang đi bộ qua đường từ bên lề đường trái sang lề đường phải theo hướng đi của bị cáo. Do không làm chủ được tốc độ và không đảm bảo khoảng cách an toàn nên bị cáo đã để xe mô tô va chạm với bà T, dẫn đến hậu quả là bà T chết trên đường đi cấp cứu.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm xã hội của hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo gây ra; đồng thời căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang K phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao*

thông đường bộ”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang K mức hình phạt tù 12 đến 15 tháng tù

Đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử lý tang vật chứng như sau:

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện EaKar đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô biển số 47F1 – 014.74; giấy phép lái xe số 0572267 mang tên Nguyễn Quang K; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe máy số XM 182809295; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 008477 cấp cho xe mô tô biển số 47F1 – 014.74 cho Nguyễn Quang K là chủ sở hữu hợp pháp.

Chấp nhận việc Tòa án nhân dân huyện EaKar đã hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Quang K 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 660048803623 mang tên Nguyễn Quang K do Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19/12/2015.

Trách nhiệm dân sự:

Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 130.000.000 đồng và gia đình bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không đề cập đến để giải quyết.

Bị cáo Nguyễn Quang K đồng ý với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, không tranh luận gì.

Tại phần lời nói sau cùng bị cáo Nguyễn Quang K tỏ thái độ ăn năn và yêu cầu Hội đồng xét xử xin giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra huyện EaKar, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai của đại diện bị hại, lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông, sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông, kết luận giám định pháp y cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Dù cơ sở kết luận: Khoảng 8h30’ ngày 03/10/2018, Nguyễn Quang K điều khiển xe mô tô BKS 47F1 – 014.74. Do không làm chủ tốc độ và không đảm bảo khoảng cách an toàn nên đã để xe mô tô BKS 47F1 – 014.74 va chạm với bà Đặng Thị T đang đi bộ từ lề đường bên trái sang lề đường bên phải theo hướng đi của K, hậu quả làm bà T chết trên đường đi cấp cứu. Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã vi phạm Khoản 4 Điều 11 Luật giao thông đường bộ năm 2008; Điều 5 Thông tư

13/2009/TT – BGTVT ngày 17/7/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách của xe cơ giới xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ và đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo và gia đình đã bồi thường cho gia đình bị hại và được gia đình bị hại làm đơn bãi nại và đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bố của bị cáo là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp.

Xét thấy bị cáo K có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội cũng đảm bảo được tính giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Do vậy, HĐXX cần áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xem xét cho bị cáo K được hưởng án treo. Cần giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân xã Eakly, huyện Krông Pắc kết hợp với gia đình quản lý giáo dục cũng đủ điều kiện răn đe giáo dục đối với bị cáo.

[5] Các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, Điều 47, Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử lý như sau:

Cơ quan Công an huyện EaKar đã thu giữ và trao trả cho bị cáo Nguyễn Quang K 01 xe mô tô biển số 47F1 – 014.74; giấy phép lái xe số 0572267 mang tên Nguyễn Quang K; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe máy số XM 182809295; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 008477 cấp cho xe mô tô biển số 47F1 – 014.74 theo Quyết định xử lý vật chứng số 60/QĐ ngày 14/11/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện EaKar là có căn cứ, phù hợp với đề nghị của đại diện viện kiểm sát, phù hợp với điểm b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chấp nhận việc Tòa án nhân dân huyện EaKar đã hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Quang K 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 660048803623 mang tên Nguyễn Quang K do Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19/12/2015.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo và gia đình đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình bị hại với tổng số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm

ba mươi triệu đồng) là phù hợp với khoản 2 Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015, cần chấp nhận.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang K phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang K **12 (mười hai) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **24 (Hai mươi tư) tháng**, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Quang K cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk kết hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Quang K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách bị cáo Nguyễn Quang K nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về áp dụng các biện pháp tư pháp:

2.1 Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện EaKar trả trả lại xe mô tô biển số 47F1 – 014.74; giấy phép lái xe số 0572267 mang tên Nguyễn Quang K; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xa máy số XM 182809295; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 008477 cấp cho xe mô tô biển số 47F1 – 014.74 cho Nguyễn Quang K là chủ sở hữu hợp pháp.

Chấp nhận việc Tòa án nhân dân huyện EaKar đã hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Quang K 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 660048803623 mang tên Nguyễn Quang K do Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19/12/2015.

2.2 Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu thêm về phần trách nhiệm dân sự nên không đề cập đến để giải quyết.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo Nguyễn Quang K phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu các bị cáo chưa thi hành số tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND EaKar, Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- CQCSĐT – Công an EaKar;
- CQ THADS;
- Lưu HS;
- VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Ly